TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DS-PT
Ngày: 21 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 308/2022/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn:

1. Ông Kim Văn L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.; (Có mặt).

2. Bà Thạch Thị P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.; (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Chí Thiện là luật sư Công ty luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự - Chi nhánh tại Cà Mau thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Kim R, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H. (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2022); (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Văn Định; là luật sư Công ty luật TNHH Hãng luật Hiệp Định tại Cần Thơ - Thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: (Không triệu tập)

1. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời; địa chỉ: Khóm 09, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Trần Văn T2: Ông Trần Tấn Công; là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch UBND huyện Trần Văn T2).

2. Bà Lý Thị U, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C;

3. Bà Trịnh Bé B1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

4. Chị Kim Thị Ánh N, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

5. Chị Kim Ngọc Y, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

6. Chị Kim Ngọc A, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

7. Anh Kim Văn V, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

8. Chị Kim Ngọc T3, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

9. Anh Kim Văn B2, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

- Người kháng cáo: Ông Kim R – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2019 của nguyên đơn vợ chồng ông Kim Văn L và bà Thạch Thị P, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thống nhất trình bày: Nguồn gốc các thửa đất số 0365 và 0367, tờ bản đồ số 05, nay là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 16 năm 2005, tọa lạc tại ấp Sào Lưới B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là của ông Kim Văn H1, cha của ông Kim Văn L và ông Kim R và ông Kim Văn H1 đã cho ông Kim R thửa đất này. Đến ngày 26 tháng 3 năm 1996, UBND huyện Trần Văn T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông R theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0565798. Trong quá trình canh tác, ông R cố đất cho cha của bà Trịnh Bé B1 và có vay nợ Ngân hàng nên ông R có mượn của vợ chồng ông L, bà Phượng 6,5 lượng vàng 24K và 15.000.000 đồng (trong đó nợ ngân hàng 13.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng giao cho ông R, hiện tại ông xác định cho ông R 2.000.000 đồng này không yêu cầu trả lại). Năm 2010, vì không có tiền, vàng để trả nợ nên ông L, bà Phượng có nhận chuyển nhượng của ông Kim R một phần đất có diện tích 7.776m^2 thuộc một phần giấy chứng nhận nêu trên để cấn trừ số nợ nêu trên. Việc chuyển nhượng được các bên lập thành giấy viết tay có chữ ký của ông R và có xác nhận của chính quyền địa phương. Từ thời điểm chuyển nhượng đến nay ông L, bà P trực tiếp canh tác trên đất. Năm 2013, nhà nước thu hồi đất làm dự án và đã bồi thường tiền cho ông L số tiền 75.582.000 đồng đối với diện tích đất bị thu hồi nằm trong phần đất ông L nhận chuyển nhượng. Do phần đất của ông L nhận chuyển nhượng là một phần trong giấy chứng nhận của bị đơn nên ông L, bà P yêu cầu ông R tách sổ nhưng ông R cố tình không thực hiện, nay ông bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L và ông R để ông bà thực hiện thủ tục tách sổ đối với phần đất ông L đã nhận chuyển nhượng từ ông R. Việc ông R yêu cầu ông trả lại số tiền 75.582.000 đồng do ông L đã nhận khi giải phóng mặt bằng ông L không đồng ý vì phần đất bị thu hồi là đất của ông L nên ông L có quyền hưởng giá trị bồi thường, hỗ trợ này.

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 09 năm 2019, các văn bản trình bày ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kim Rươl trình bày: Ông thống

nhất nguồn gốc đất tranh chấp như ông L trình bày. Theo đó, năm 2010, ông có cố cho ông L với giá 6,5 lượng vàng 24K và 15 triệu mà ông L trả nợ cho ngân hàng để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao lại cho ông. Sau khi sau khi nhận giấy chứng nhận từ ông L thì ông đã thế chấp cho bà Bé Ba lấy tiền chữa bệnh. Năm 2017, ông L có đến gặp ông yêu cầu chuộc lại đất nhưng do không có tiền nên không thể chuộc lại được và vì thế mà ông L canh tác cho đến nay. Ông xác định việc cố đất cho ông L các bên không có làm giấy tờ gì chỉ là tin tưởng nhau vì là anh em ruột nên chỉ giao dịch miệng với nhau. Ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do không có việc mua bán, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu, buộc ông L trả lại ông phần đất đã cố hiện do ông L đang canh tác. Khi nhà nước thực hiện dự án mở đường, ông L đã nhận số tiền 75.582.000 đồng nên ông yêu cầu ông L trả lại cho ông số tiền này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị U trình bày:* Thống nhất với trình bày của ông Kim Văn Rươl, bà xác định phía ông R không có chuyển nhượng đất cho ông L mà chỉ có quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị Ánh N, Kim Ngọc Y, Kim Ngọc A trình bày tại bản tự khai xác định:* Thống nhất với trình bày của ông Kim Văn R, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữa ông L và ông R không có giao kết việc chuyển nhượng đất như nguyên đơn trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 308/2022/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, khoản 2 Điều 129, khoản 1 Điều 502, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 99 của Luật đất đai năm 2013, Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 02 tháng 02 năm 2010 giữa bên chuyển nhượng ông Kim R và bên nhận chuyển nhượng ông Kim Văn L, bà Thạch Thị P là có hiệu lực.

Công nhận cho vợ chồng ông Kim Văn L, bà Thạch Thị P được quyền sử dụng 02 phần của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp Sào Lưới B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, cụ thể:

- Phần thứ nhất có diện tích 2476,2 m^2, loại đất LUC, tứ cận:

Phía bắc giáp đất Trịnh Nhựt Thăng, dài 56,49m.

Phía nam giáp đất ông Danh Còi, dài 66,70m.

Phía đông giáp đất ông Kim Rươl, dài 40,40m.

Phía tây giáp đường nhựa dài 41,44m.

- Phần thứ hai có diện tích 3837,9m^2, loại đất LUC, tứ cận:.

Phía bắc giáp đất Trịnh Nhựt Thăng, Trịnh Nhựt Bình dài 46,51m + 54,82m.

Phía nam giáp đất ông Danh Còi, dài 91,70m.

Phía đông giáp đường nhựa, dài 41,28m.

Phía tây giáp đất đang tranh chấp với ông Bùi Văn Thắng dài 39,77m.

Vị trí các thửa đất tương ứng với số thửa 01, 02 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim R về việc yêu cầu ông Kim Văn L trả số tiền 75.582.000 (bảy mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/12/2022 ông Kim R kháng cáo với nội dung yêu cầu vô hiệu giấy chuyển nhượng ngày 02/02/2010 giữa ông Kim Văn L và ông Kim R; Buộc ông Kim Văn L trả lại phần đất có diện tích 6.314,1m^2 và số tiền bồi thường 75.582.000 đồng cho ông Kim R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Kim R.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phía ông Kim R vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng không có việc ông Kim R chuyển nhượng cho ông Kim Văn L mà chỉ là cầm cố quyền sử dụng đất.

Xét kháng cáo của ông Kim R thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông R cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, cụ thể tại phiên tòa sơ thẩm phía ông R yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của ông L về tranh chấp hợp đồng. Theo hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện phía ông R đặt ra vấn đề thời hiệu bất cứ giai đoạn nào trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nên vấn đề phía ông R cho rằng tại

phiên tòa phía ông R có yêu cầu nhưng không được xem xét là không có căn cứ, tại phiên tòa hôm nay phía ông R cũng không cung cấp được tài liệu nào chứng minh cho việc ông R có yêu cầu xem xét thời hiệu nên không có căn cứ chấp nhận tranh luận của phía ông R.

Về nội dung: Người đại diện hợp pháp của ông Kim R cho rằng khi lập biên bản hòa giải ngày 31/5/2019 thì ông R đã không thống nhất, trong biên bản này có nội dung "Đổi lại vị trí chuyển nhượng" (BL 30) là ông R không hiểu biết, do không hiểu nội dung nên ông R ký vào biên bản. Tuy nhiên, về nội dung biên bản này trong suốt quá trình giải quyết ông R không đặt ra vấn đề này. Như vậy, việc ông R cho rằng không có chuyển nhượng và thực tế là cầm cố đất, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc cầm cố, phía ông L cung cấp được giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngoài ra, khi chuyển nhượng có sự chứng kiến của ông Kim H là cha của ông Kim R và ông Kim Văn L và một số người khác chứng kiến, cấp sơ thẩm đã nhận định rõ vấn đề này. Do đó, có căn cứ để xác định có sự kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông R và ông L.

Đối với nội dung tranh luận của luật sư phía ông R cho rằng bà U vợ của ông R không ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do đất là tài sản chung của vợ chồng nên giấy chuyển nhượng không hợp pháp. Bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Thực tế quá trình ông R chuyển nhượng bà U không có ý kiến, ông L canh tác, sử dụng thì bà U và ông R cũng không tranh chấp. Phần đất ông R được ông Kim Văn H tặng cho và đứng tên quyền sử dụng đất nên ông R có quyền quyết định, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện quyền sử dụng đất của ông R đứng tên là tài sản chung của ông R và bà U.

Về nội dung tranh luận xem xét lại vấn đề buộc ông L phải thanh toán lại cho ông R số tiền 75.582.000 đồng đã nhận do bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Phía ông R cho rằng khi ông L nhận tiền giải phóng mặt bằng thì ông đã yêu cầu thỏa thuận với ông L về số tiền này, ông L xác định không có bất cứ thỏa thuận hay tranh chấp gì giữa ông và ông R thời điểm ông nhận tiền, cũng không ai đặt ra vấn đề này, nếu có tranh chấp hoặc có yêu cầu thì ông không thể được nhận tiền bồi thường. Bản án sơ thẩm nhận định ông R đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L, nên việc dự án chi trả tiền cho ông L là đúng đối tượng.

Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông R và ông L đã được thực hiện từ năm 2010 đến khi ông L khởi kiện năm 2019 thì ông R cũng không phát sinh tranh chấp với ông L về vấn đề cấm cố hoặc chuyển nhượng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Rươl.

[2] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Kim R, giữ nguyên bản án sơ thẩm, như phân tích trên đề nghị này có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông R là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí cho ông R.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Kim R. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 308/2022/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, khoản 2 Điều 129, khoản 1 Điều 502, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 99 của Luật đất đai năm 2013, Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 02 tháng 02 năm 2010 giữa bên chuyển nhượng ông Kim R và bên nhận chuyển nhượng ông Kim Văn L, bà Thạch Thị P là có hiệu lực.

Công nhận cho vợ chồng ông Kim Văn L, bà Thạch Thị P được quyền sử dụng 02 phần của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp Sào Lưới B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, cụ thể:

- Phần thứ nhất có diện tích 2476,2 m^2, loại đất LUC, tứ cận:

Phía bắc giáp đất Trịnh Nhựt Thăng, dài 56,49m.

Phía nam giáp đất ông Danh Còi, dài 66,70m.

Phía đông giáp đất ông Kim Rươl, dài 40,40m.

Phía tây giáp đường nhựa dài 41,44m.

- Phần thứ hai có diện tích 3837,9m^2, loại đất LUC, tứ cận:.

Phía bắc giáp đất Trịnh Nhựt Thăng, Trịnh Nhựt Bình dài 46,51m + 54,82m.

Phía nam giáp đất ông Danh Còi, dài 91,70m.

Phía đông giáp đường nhựa, dài 41,28m.

Phía tây giáp đất đang tranh chấp với ông Bùi Văn Thắng dài 39,77m.

Vị trí các thửa đất tương ứng với số thửa 01, 02 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đối với phần đất trên theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim R về việc yêu cầu ông Kim Văn L trả số tiền 75.582.000 (Bảy mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

- Về án phí:

Hoàn trả cho ông Kim Văn L, bà Thạch Thị Phượng 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002610 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Hoàn lại cho ông Kim R số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002779 ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Án phí phúc thẩm: Ông Kim R được miễn.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân h. Trần Văn Thơi;*
- *Chi cục THADS h Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Phương Loan **Đỗ Cao Khánh** **Hoàng Thị Hải Hà**